FireAnt

KẾT QUẢ KINH DOANH

Ngày 29/12/2023	7,500 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-8.5%	16.7%	13.4%

DT thuần

2023

782 *tỷ VNĐ*

YoY
▼ 68.0
▼ 8.0%

LN gộp

2023

134 *tỷ VNĐ*

YoY
▲ 25.0
▲ 22.7%

LN thuần

2023

58.4 *tỷ VNĐ*

YoY
▲ 26.7
▲ 84.2%

LN sau thuế

2023

52.1 *tỷ VNĐ*

YoY
▲ 22.4
▲ 75.5%

ROE

2023

23.1%

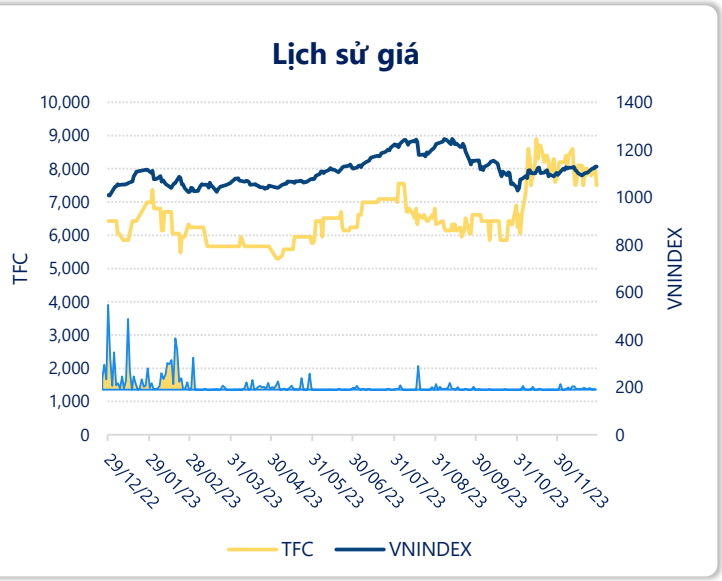
+/- YoY
▲ 7.8%

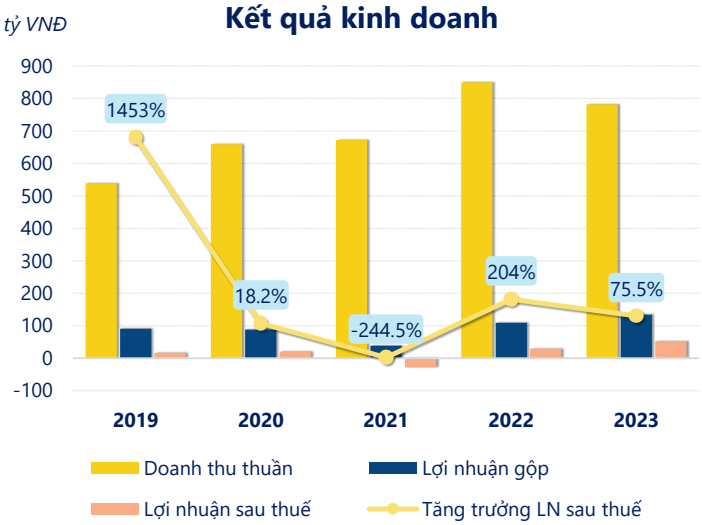
ROA

2023

7.5%

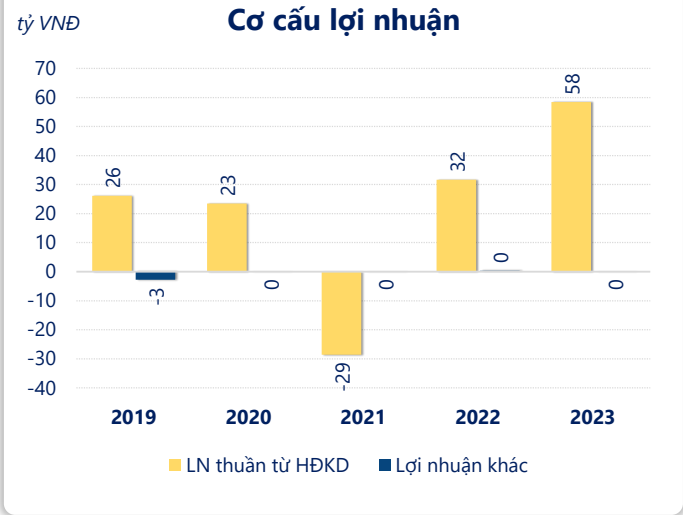
+/- YoY
▲ 3.0%

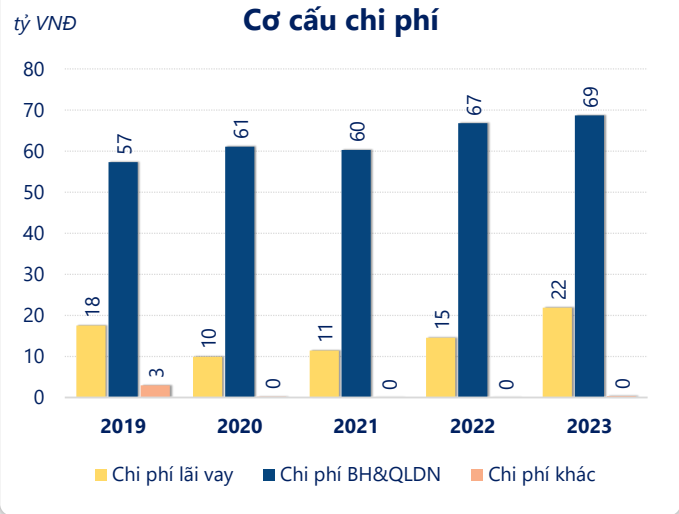




Kết quả kinh doanh **TFC** năm **2023**, doanh thu thuần đạt **782.3** tỷ đồng **giảm 7.98%**, lợi nhuận sau thuế **tăng mạnh 75.5%** đạt **52.08** tỷ đồng.

Mặc dù doanh thu thuần sụt giảm nhưng công ty vẫn đảm bảo sự tăng trưởng lợi nhuận sau thuế cùng với **ROE** đạt **23.1%**. Cho thấy hiệu quả hoạt động của công ty được tối ưu.

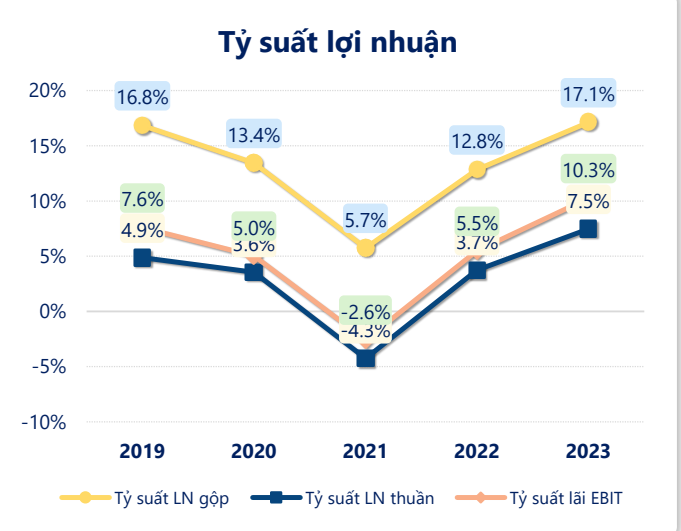


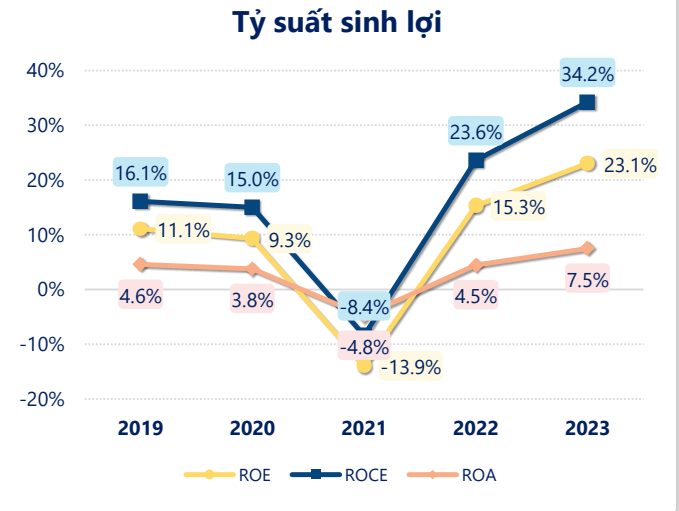


Năm **2023**, **TFC** có **lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh** đạt **58.40** tỷ đồng, **tăng lên 26.69** tỷ so với năm trước. Và cao hơn mức bình quân lợi nhuận thuần 5 năm (22.22 tỷ đồng) là 36.17 tỷ đồng. Cho thấy xu hướng tích cực từ hoạt động kinh doanh khi có sự phục hồi trong những năm gần đây.

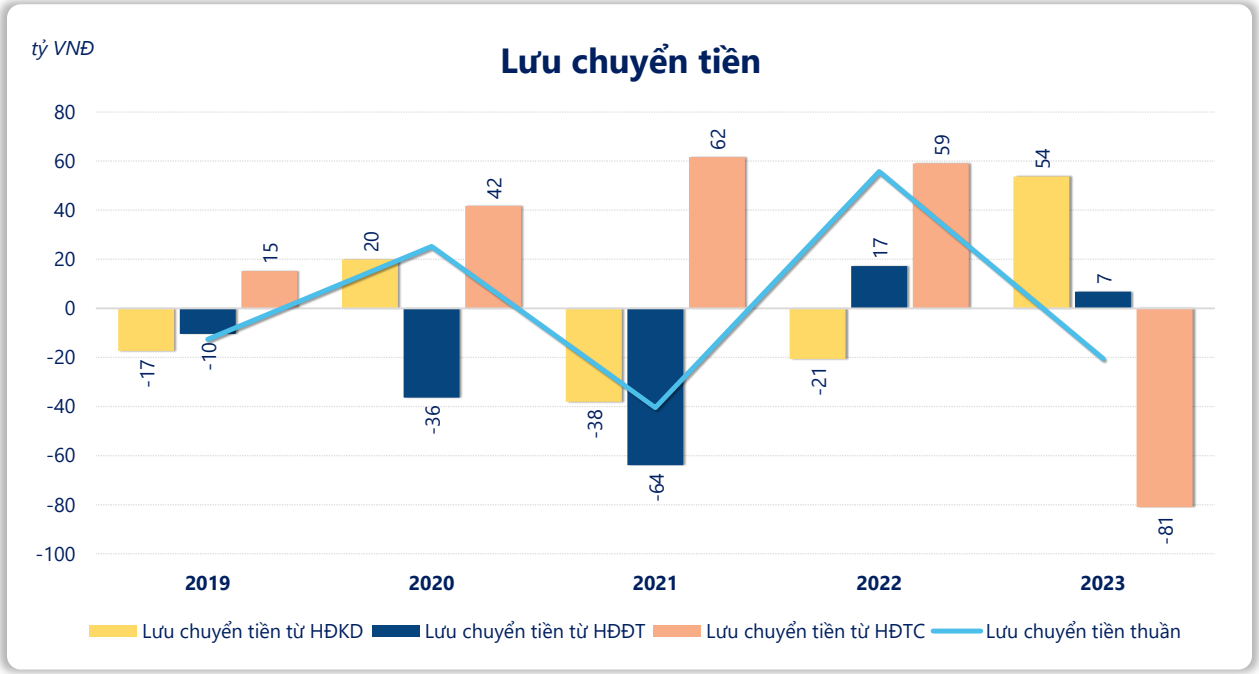
Chi phí lãi vay tăng lên so với năm trước, ở mức **21.88** tỷ đồng. Cùng với đó **chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp** cũng **tăng lên**, ở mức **68.66** tỷ đồng. Bên cạnh đó, **chi phí khác** bằng **0.37** tỷ đồng, **tăng lên** so với năm trước.

ROE của TFC năm 2023 **tăng trưởng** so với năm trước đạt giá trị bằng **23.1%**, đây là mức ROE **cao nhất** trong vòng 5 năm gần đây.





KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	2019	2020	2021	2022	2023
Doanh thu thuần	**539**	**659**	**672**	**850**	**782**
Giá vốn hàng bán	448	570	633	741	648
Lợi nhuận gộp	**90.7**	**88.5**	**38.6**	**109**	**134**
Doanh thu HĐTC	12.3	9.83	14.0	17.4	17.4
Chi phí TC	19.5	13.8	16.4	29.7	33.6
Chi phí lãi vay	**17.5**	**9.91**	**11.4**	**14.6**	**21.9**
LN trong công ty LKLD	0	0.04	-4.59	1.65	9.35
Chi phí bán hàng	14.7	22.6	22.7	31.2	26.1
Chi phí QLDN	42.6	38.4	37.6	35.6	42.6
LN thuần từ HĐKD	**26.2**	**23.5**	**-28.6**	**31.7**	**58.4**
Lợi nhuận khác	-2.81	-0.16	-0.03	0.29	-0.08
LN trước thuế	**23.3**	**23.3**	**-28.6**	**32.0**	**58.3**
Lợi nhuận sau thuế	**16.8**	**19.8**	**-28.6**	**29.7**	**52.1**
LNST của CĐ cty mẹ	**22.9**	**20.1**	**-27.8**	**29.1**	**52.3**



Lưu chuyển tiền thuần năm 2023 của TFC bằng **-20.45** tỷ đồng, **giảm** so với năm 2022 (55.74 tỷ đồng). Trong đó, lưu chuyển tiền từ **hoạt động kinh doanh** bằng **53.74** tỷ đồng, từ **hoạt động đầu tư** là **6.85** tỷ đồng và từ **hoạt động tài chính** là **-81.04** tỷ đồng.